



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

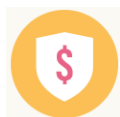
BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam) (“AIA Việt Nam”) – Nghiệp vụ: Bảo hiểm liên kết đầu tư
Linh hoạt cân bằng bảo vệ & tích lũy trọn đời

Số tiền bảo hiểm **1.500.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **25.000.000 đồng/năm**

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO



Bảo vệ trọn đời lên đến **100 tuổi**.



Nhận **375.000.000 đồng** khi mắc **ung thư nghiêm trọng**.



Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến **1.500.000.000 đồng** khi bị thương tật do tai nạn.



Nhận tối thiểu **1.500.000.000 đồng** khi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Bệnh giai đoạn cuối hoặc tử vong.

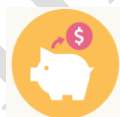


Nhận thêm **225.000.000 đồng** nếu tử vong không hút thuốc lá.



Nhận thêm **1.500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc **3.000.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt.

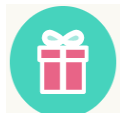
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



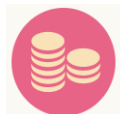
Có thể đầu tư thêm lên đến **150.000.000 đồng/năm** để nhanh chóng đạt mục đích tiết kiệm.



Linh hoạt rút tiền cho các chi tiêu ngắn hạn
Linh hoạt đóng phí từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.



Nhận **khoản thưởng hàng năm từ 12,5% - 15% phí bảo hiểm cơ bản quy năm** được đóng thêm vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 5 trở đi.



Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777, email: vn.customer@aia.com

Thông tin chi tiết về địa chỉ Văn phòng/ Trung tâm dịch vụ khách hàng, khách hàng vui lòng tham khảo tại đường dẫn: <https://www.aia.com.vn/vi/dich-vu/van-phong-giao-dich.html>

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TỔ CHỨC

..... là đối tác được Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) ủy quyền thực hiện tư vấn, giới thiệu, chào bán sản phẩm bảo hiểm; thu xếp việc giao kết hợp đồng, thu phí bảo hiểm; thu thập hồ sơ để phục vụ việc giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng đại lý số..... Địa chỉ trụ sở chính:.....

	Họ và tên	Mã số đại lý
Nhân viên giới thiệu	Nguyễn Văn A	xxxxxxxxxx

	Họ và tên	Mã số đại lý
Nhân viên tư vấn	Nguyễn Văn B	xxxxxxxxxx

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

	Họ và tên	Mã số đại lý
Đại lý bảo hiểm	Nguyễn Văn C	xxxxxxxxxx

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	Nguyễn Văn D	Nam	18	Văn Phòng

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi tham gia	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm tối đa (năm)	Thời hạn đóng phí tối đa (năm)	Thời gian đóng phí dự kiến (năm)	Mức thẩm định	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
<i>Bảo hiểm nhân thọ (BHNT)</i>										
Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng – Quyền lợi bảo hiểm nâng cao	Nguyễn Văn D	18	Nam	Khác	82	82	20	Chuẩn	1.500.000.000	25.000.000
<i>Bảo hiểm bổ sung (BHBS)</i>										
Bảo hiểm Tử vong và thương tật do tai nạn	Nguyễn Văn D	18	Nam	Khác	47	47		Chuẩn	1.000.000.000	3.370.000

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm BHNT theo định kỳ	25.000.000	12.500.000	6.250.000	2.084.000
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK theo định kỳ	3.370.000	1.719.000	876.000	298.000
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm BHNT	25.000.000			
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ: (i) + (ii) + (iii)	53.370.000	14.219.000	7.126.000	2.382.000

Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm

Lưu ý:

- Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023, các sản phẩm bảo hiểm được bán kèm với bảo hiểm nhân thọ được Bộ Tài Chính phê chuẩn sẽ sử dụng thuật ngữ sản phẩm “Bảo hiểm bán kèm”.
- Sản phẩm “Bảo hiểm bổ sung” đã được Bộ Tài Chính phê chuẩn trước ngày 01 tháng 07 năm 2023 vẫn tiếp tục được sử dụng thuật ngữ này trong Hợp đồng bảo hiểm.
- Tổng phí bảo hiểm (Phí BH) theo định kỳ hiện thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, phí đóng vào của Khách hàng sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) => (ii) => (iii). Trong đó, (iii) chỉ được ghi nhận khi (i) + (ii) đã được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó.
- Thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản bắt buộc của sản phẩm BHNT là 4 năm hợp đồng đầu tiên. Trong thời gian này, hợp đồng sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

- Từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, khách hàng có thể lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ. Tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm, khách hàng nên đóng phí đầy đủ và đúng hạn để nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí, duy trì tối đa thời gian hiệu lực của hợp đồng, và rút ngắn thời gian đạt được mục tiêu tài chính.
- Khách hàng truy cập trang thông tin điện tử www.aia.com.vn để tham khảo quy tắc điều khoản và công cụ tính toán của sản phẩm bảo hiểm.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌN CÂN BẰNG

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																															
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN																																
Đầu tư cùng quỹ liên kết chung	<ul style="list-style-type: none"> Quỹ liên kết chung có chiến lược đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán. Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm vào giá trị tài khoản để hưởng quyền lợi đầu tư như sau <table border="1" data-bbox="573 528 2107 644"> <tr> <td>Năm đóng phí</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>Từ 4 trở đi</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản</td> <td>15%</td> <td>20%</td> <td>65%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm</td> <td colspan="4" style="text-align: center;">100%</td> </tr> </table> Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau: <table border="1" data-bbox="573 683 1912 778"> <tr> <td>Năm hợp đồng</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>Từ 6 đến 10</td> <td>Từ 11 trở đi</td> </tr> <tr> <td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td> <td>3,5%</td> <td>3,0%</td> <td>3,0%</td> <td>2,0%</td> <td>2,0%</td> <td>1,5%</td> <td>1,0%</td> </tr> </table> Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Khách hàng tham khảo thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại đường dẫn https://www.aia.com.vn/vi/san-pham/lai-suot-va-gia-don-vi-quy.html 	Năm đóng phí	1	2	3	Từ 4 trở đi	Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản	15%	20%	65%	100%	Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm	100%				Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 đến 10	Từ 11 trở đi	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%
Năm đóng phí	1	2	3	Từ 4 trở đi																												
Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản	15%	20%	65%	100%																												
Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm	100%																															
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 đến 10	Từ 11 trở đi																									
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%																									
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn. 																															
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau: <ol style="list-style-type: none"> 12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9. 15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi. Điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng; và 																															

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

- Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong Năm hợp đồng nhận thưởng.

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)

Bệnh Ung thư	Nhận 375.000.000 đồng khi mắc Ung thư nghiêm trọng. Quyền lợi này không bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn / Bệnh giai đoạn cuối / Tử vong
Thương tật bộ phận do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến 1.500.000.000 đồng . Quyền lợi này không bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn / Bệnh giai đoạn cuối / Tử vong
Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận 100% giá trị tài khoản (bao gồm cả tài khoản cơ bản và tài khoản đóng thêm) cộng với số tiền 1.500.000.000 đồng
Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Nhận 100% giá trị tài khoản (bao gồm cả tài khoản cơ bản và tài khoản đóng thêm) cộng với số tiền 1.500.000.000 đồng
Không hút thuốc lá	Nhận thêm 225.000.000 đồng nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.
Tử vong do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm lên đến <ul style="list-style-type: none"> • 1.500.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn; hoặc • 3.000.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt được quy định chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

HẠN MỨC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Tổng quyền lợi bảo hiểm của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, bao gồm các quyền lợi được	<ul style="list-style-type: none"> • Quyền lợi liên quan đến Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo: không vượt quá mức tối đa theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn • Quyền lợi liên quan đến Tai nạn: không vượt quá mức tối đa theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn
--	--

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

hưởng theo sản phẩm này như sau	
Loại trừ bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none">Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra do bất cứ trường hợp nào được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản (các) sản phẩm bảo hiểm mà khách hàng tham gia. Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm này được công bố trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Thay đổi STBH
- Thay đổi phí bảo hiểm
- Chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm
- Đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi)
- Rút tiền từ Giá trị tài khoản

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện nêu trên

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

II. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BHBS/ BHBK

Quyền lợi bảo hiểm của những sản phẩm BHBS/ BHBK bên dưới sẽ được áp dụng nếu khách hàng có yêu cầu tham gia cùng với sản phẩm BHNT và đóng đầy đủ phí sản phẩm BHBS/ BHBK. Phí bảo hiểm của các sản phẩm BHBS/ BHBK sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.

- **Bảo hiểm Tử vong và thương tật do tai nạn**

Khách hàng sẽ được hưởng các quyền lợi sau:

- Quyền lợi tử vong, tàn tật hoặc bông do tai nạn: lên đến 100% STBH của sản phẩm bổ sung này;
- Quyền lợi tàn tật toàn bộ tạm thời do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật;
- Quyền lợi bồi thường gấp đôi khi tử vong trong trường hợp đặc biệt: lên đến 200% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Nội dung về các sản phẩm BHBS/ BHBK trên đây chỉ mang tính giới thiệu tóm lược. Mọi quy định, điều kiện và quyền lợi bảo hiểm BHBS/ BHBK sẽ được thực hiện theo Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm BHBS/ BHBK.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

- Mục tiêu và chính sách đầu tư: đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.
- Cơ cấu tài sản đầu tư: Nhằm đảm bảo chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung, Công ty sẽ lựa chọn đầu tư vào các tài sản đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận ổn định như trái phiếu chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và các kênh đầu tư khác.
- Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất:

Năm	Lãi suất công bố
Năm 2018	5,94%
Năm 2019	5,48%
Năm 2020	5,12%
Năm 2021	4,86%
Năm 2022	4,22%
Năm 2023	4,93%

Ghi chú: Kết quả hoạt động của quỹ liên kết chung trong quá khứ chỉ cho mục đích tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động trong tương lai.

- Mức chi phí quản lý quỹ để tính ra Lãi suất công bố: Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.
- Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin chi tiết về quyền lợi đầu tư của sản phẩm bảo hiểm.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
Chi phí bảo hiểm rủi ro	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
Chi phí ban đầu	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table border="1" style="margin: 5px auto; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="padding: 2px 5px;">Năm đóng phí</th> <th style="padding: 2px 5px;">1</th> <th style="padding: 2px 5px;">2</th> <th style="padding: 2px 5px;">3</th> <th style="padding: 2px 5px;">4+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 2px 5px;">Phí bảo hiểm cơ bản</td> <td style="padding: 2px 5px;">85%</td> <td style="padding: 2px 5px;">80%</td> <td style="padding: 2px 5px;">35%</td> <td style="padding: 2px 5px;">0%</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px 5px;">Phí đóng thêm</td> <td colspan="4" style="padding: 2px 5px;">0%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHD)	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table border="1" style="margin: 5px auto; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="padding: 2px 5px;">Năm dương lịch</th> <th style="padding: 2px 5px;">2021 - 2024</th> <th style="padding: 2px 5px;">2025 - 2029</th> <th style="padding: 2px 5px;">2030 - 2034</th> <th style="padding: 2px 5px;">Từ năm 2035 trở đi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 2px 5px;">Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td> <td style="padding: 2px 5px;">30</td> <td style="padding: 2px 5px;">40</td> <td style="padding: 2px 5px;">50</td> <td style="padding: 2px 5px;">60</td> </tr> </tbody> </table>	Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
Chi phí quản lý quỹ	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
Chi phí hủy bỏ hợp đồng	Không có															
Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản	Không có															
<i>Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận</i>																

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 5%	Mức lãi suất 6%
1	25.000	25.000	50.000	3.370	21.250		21.250	3.750	25.000	28.750	400	3.705	3.705	3.705
2	25.000	25.000	50.000	3.370	20.000		20.000	5.000	25.000	30.000	480	3.825	3.825	3.825
3	25.000	25.000	50.000	3.370	8.750		8.750	16.250	25.000	41.250	480	3.945	3.945	3.945
4	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	480	4.065	4.065	4.065
5	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	480	4.155	4.155	4.155
6	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	520	4.170	4.170	4.170
7	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	600	4.200	4.200	4.200
8	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	600	4.200	4.200	4.200
9	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	600	4.290	4.290	4.290
10	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	600	4.305	4.305	4.305
11	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	640	4.290	4.290	4.290
12	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.245	4.245	4.245
13	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.215	4.215	4.215
14	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.245	4.245	4.245
15	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.335	4.335	4.335
16	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.560	4.560	4.560
17	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.785	4.785	4.785
18	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	5.010	5.010	5.010
19	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	5.220	5.220	5.220

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYÊN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 5%	Mức lãi suất 6%
20	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	5.505	5.505	5.505
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21	25.000		25.000	3.370				25.000		25.000	720	5.790	5.790	5.790
25	25.000		25.000	3.370				25.000		25.000	720	7.200	7.200	7.200
30	25.000		25.000	3.370				25.000		25.000	720	10.245	10.245	10.245
35	25.000		25.000	3.370				25.000		25.000	720	16.785	16.785	16.785
40	25.000		25.000	3.370				25.000		25.000	720	27.825	27.825	27.825
45	25.000		25.000	3.370				25.000		25.000	720	39.150	39.150	39.150
50	25.000		25.000					25.000		25.000	720	71.595	71.595	71.595
55	25.000		25.000					25.000		25.000	720	109.110	109.110	109.110
60	25.000		25.000					25.000		25.000	720	81.045	81.045	81.045
65	25.000		25.000					25.000		25.000	720	109.110	109.110	109.110
70	25.000		25.000					25.000		25.000	720	160.080	160.080	160.080
72	25.000		25.000					25.000		25.000	720	(*)	213.585	213.585
75	25.000		25.000					25.000		25.000	(*)		(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYÊN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	50.000	28.750	3.370	1.525.875			25.875	25.875
2	19	50.000	30.000	3.370	1.552.868		467	52.401	52.868
3	20	50.000	41.250	3.370	1.592.445		12.721	79.723	92.445
4	21	50.000	50.000	3.370	1.640.700		33.882	106.818	140.700
5	22	50.000	50.000	3.370	1.692.953	3.125	58.499	134.454	192.953
6	23	50.000	50.000	3.370	1.744.995	3.125	83.149	161.846	244.995
7	24	50.000	50.000	3.370	1.797.706	3.125	108.057	189.649	297.706
8	25	50.000	50.000	3.370	1.851.208	3.125	133.339	217.868	351.208
9	26	50.000	50.000	3.370	1.905.421	3.125	158.910	246.511	405.421
10	27	50.000	50.000	3.370	1.961.058	3.750	185.474	275.584	461.058
11	28	50.000	50.000	3.370	2.014.962	3.750	211.372	303.590	514.962
12	29	50.000	50.000	3.370	2.069.369	3.750	237.494	331.876	569.369
13	30	50.000	50.000	3.370	2.124.351	3.750	263.907	360.445	624.351
14	31	50.000	50.000	3.370	2.179.853	3.750	290.554	389.299	679.853
15	32	50.000	50.000	3.370	2.235.819	3.750	317.377	418.442	735.819
16	33	50.000	50.000	3.370	2.292.119	3.750	344.243	447.876	792.119
17	34	50.000	50.000	3.370	2.348.755	3.750	371.150	477.605	848.755
18	35	50.000	50.000	3.370	2.405.732	3.750	398.101	507.631	905.732
19	36	50.000	50.000	3.370	2.463.067	3.750	425.110	537.958	963.067

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	37	50.000	50.000	3.370	2.520.689	3.750	452.102	568.587	1.020.689
25	42	25.000	25.000	3.370	2.683.840	3.750	586.249	597.591	1.183.840
30	47	25.000	25.000	3.370	2.843.233	3.750	715.159	628.074	1.343.233
35	52	25.000	25.000	3.370	2.986.049	3.750	825.937	660.112	1.486.049
40	57	25.000	25.000	3.370	3.088.488	3.750	894.704	693.784	1.588.488
45	62	25.000	25.000	3.370	3.137.653	3.750	908.479	729.174	1.637.653
50	67	25.000	25.000		3.064.304	3.750	797.935	766.369	1.564.304
55	72	25.000	25.000		2.828.201	3.750	522.739	805.462	1.328.201
60	77	25.000	25.000		2.492.200	3.750	145.651	846.549	992.200
65	82	25.000	25.000		2.187.801	3.750	3.750	684.051	687.801
70	87	25.000	25.000		1.679.501	3.750	3.750	175.751	179.501
72	89	25.000	25.000				(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	50.000	28.750	3.370	1.526.250			26.250	26.250	1.526.500			26.500	26.500
2	19	50.000	30.000	3.370	1.554.352		539	53.813	54.352	1.555.171		581	54.590	55.171
3	20	50.000	41.250	3.370	1.595.838		13.085	82.753	95.838	1.597.638		13.273	84.365	97.638
4	21	50.000	50.000	3.370	1.648.463		35.322	113.141	148.463	1.651.805		35.878	115.927	151.805
5	22	50.000	50.000	3.370	1.706.751	3.125	61.704	145.048	206.751	1.712.254	3.125	62.871	149.383	212.254
6	23	50.000	50.000	3.370	1.767.898	3.125	89.348	178.550	267.898	1.776.274	3.125	91.428	184.846	276.274
7	24	50.000	50.000	3.370	1.831.989	3.125	118.262	213.728	331.989	1.844.021	3.125	121.584	222.437	344.021
8	25	50.000	50.000	3.370	1.899.285	3.125	148.621	250.664	399.285	1.915.833	3.125	153.550	262.283	415.833
9	26	50.000	50.000	3.370	1.969.853	3.125	180.405	289.447	469.853	1.991.860	3.125	187.340	304.520	491.860
10	27	50.000	50.000	3.370	2.044.558	3.750	214.389	330.170	544.558	2.073.059	3.750	223.768	349.291	573.059
11	28	50.000	50.000	3.370	2.122.974	3.750	250.046	372.928	622.974	2.159.104	3.750	262.356	396.749	659.104
12	29	50.000	50.000	3.370	2.205.275	3.750	287.450	417.825	705.275	2.250.276	3.750	303.222	447.053	750.276
13	30	50.000	50.000	3.370	2.291.721	3.750	326.755	464.966	791.721	2.346.948	3.750	346.571	500.377	846.948
14	31	50.000	50.000	3.370	2.382.458	3.750	367.994	514.464	882.458	2.449.390	3.750	392.491	556.899	949.390
15	32	50.000	50.000	3.370	2.477.640	3.750	411.203	566.437	977.640	2.557.886	3.750	441.072	616.813	1.057.886
16	33	50.000	50.000	3.370	2.577.350	3.750	456.341	621.009	1.077.350	2.672.659	3.750	492.337	680.322	1.172.659
17	34	50.000	50.000	3.370	2.681.815	3.750	503.505	678.310	1.181.815	2.794.086	3.750	546.445	747.641	1.294.086
18	35	50.000	50.000	3.370	2.791.272	3.750	552.797	738.475	1.291.272	2.922.567	3.750	603.567	819.000	1.422.567

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
19	36	50.000	50.000	3.370	2.905.986	3.750	604.337	801.649	1.405.986	3.058.539	3.750	663.899	894.640	1.558.539
20	37	50.000	50.000	3.370	3.026.143	3.750	658.161	867.981	1.526.143	3.202.376	3.750	727.558	974.818	1.702.376
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21	38	25.000	25.000	3.370	3.063.859	3.750	687.198	876.661	1.563.859	3.241.855	3.750	757.288	984.566	1.741.855
25	42	25.000	25.000	3.370	3.215.076	3.750	802.819	912.257	1.715.076	3.400.299	3.750	875.756	1.024.544	1.900.299
30	47	25.000	25.000	3.370	3.401.568	3.750	942.777	958.791	1.901.568	3.596.239	3.750	1.019.434	1.076.806	2.096.239
35	52	25.000	25.000	3.370	3.572.865	3.750	1.065.165	1.007.699	2.072.865	3.777.466	3.750	1.145.733	1.131.734	2.277.466
40	57	25.000	25.000	3.370	3.705.238	3.750	1.146.136	1.059.102	2.205.238	3.920.276	3.750	1.230.813	1.189.463	2.420.276
45	62	25.000	25.000	3.370	3.785.863	3.750	1.172.736	1.113.127	2.285.863	4.011.870	3.750	1.261.732	1.250.138	2.511.870
50	67	25.000	25.000		3.745.579	3.750	1.075.671	1.169.908	2.245.579	3.983.115	3.750	1.169.207	1.313.908	2.483.115
55	72	25.000	25.000		3.544.228	3.750	814.643	1.229.585	2.044.228	3.793.881	3.750	912.951	1.380.930	2.293.881
60	77	25.000	25.000		3.244.751	3.750	452.445	1.292.306	1.744.751	3.507.138	3.750	555.767	1.451.371	2.007.138
65	82	25.000	25.000		2.978.740	3.750	120.513	1.358.226	1.478.740	3.254.512	3.750	229.106	1.525.406	1.754.512
70	87	25.000	25.000		2.510.786	3.750	3.750	1.007.036	1.010.786	2.800.625	3.750	3.750	1.296.875	1.300.625
75	92	25.000	25.000				(*)	(*)	(*)			(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 5%	Mức lãi suất 6%
1	25.000	25.000	50.000	3.370	21.250		21.250	3.750	25.000	28.750	400	3.705	3.705	3.705
2	25.000	25.000	50.000	3.370	20.000		20.000	5.000	25.000	30.000	480	3.825	3.825	3.825
3	25.000	25.000	50.000	3.370	8.750		8.750	16.250	25.000	41.250	480	3.945	3.945	3.945
4	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	480	4.065	4.065	4.065
5	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	480	4.155	4.155	4.155
6	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	520	4.170	4.170	4.170
7	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	600	4.200	4.200	4.200
8	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	600	4.200	4.200	4.200
9	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	600	4.290	4.290	4.290
10	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	600	4.305	4.305	4.305
11	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	640	4.290	4.290	4.290
12	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.245	4.245	4.245
13	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.215	4.215	4.215
14	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.245	4.245	4.245
15	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.335	4.335	4.335
16	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.560	4.560	4.560
17	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	4.785	4.785	4.785
18	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	5.010	5.010	5.010
19	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	5.220	5.220	5.220

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 5%	Mức lãi suất 6%
20	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	720	5.505	5.505	5.505
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21											720	5.790	5.790	5.790
25											720	7.200	7.200	7.200
30											720	10.245	10.245	10.245
35											720	16.785	16.785	16.785
40											720	27.825	27.825	27.825
45											720	39.150	39.150	39.150
50											720	71.595	71.595	71.595
55											720	109.110	109.110	109.110
57											720	(*)	130.890	130.890
60											720		81.045	81.045
64											720		(*)	102.720
65											720			109.110
67											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	50.000	28.750	3.370	1.525.875			25.875	25.875
2	19	50.000	30.000	3.370	1.552.868		467	52.401	52.868
3	20	50.000	41.250	3.370	1.592.445		12.721	79.723	92.445
4	21	50.000	50.000	3.370	1.640.700		33.882	106.818	140.700
5	22	50.000	50.000	3.370	1.692.953	3.125	58.499	134.454	192.953
6	23	50.000	50.000	3.370	1.744.995	3.125	83.149	161.846	244.995
7	24	50.000	50.000	3.370	1.797.706	3.125	108.057	189.649	297.706
8	25	50.000	50.000	3.370	1.851.208	3.125	133.339	217.868	351.208
9	26	50.000	50.000	3.370	1.905.421	3.125	158.910	246.511	405.421
10	27	50.000	50.000	3.370	1.961.058	3.750	185.474	275.584	461.058
11	28	50.000	50.000	3.370	2.014.962	3.750	211.372	303.590	514.962
12	29	50.000	50.000	3.370	2.069.369	3.750	237.494	331.876	569.369
13	30	50.000	50.000	3.370	2.124.351	3.750	263.907	360.445	624.351
14	31	50.000	50.000	3.370	2.179.853	3.750	290.554	389.299	679.853
15	32	50.000	50.000	3.370	2.235.819	3.750	317.377	418.442	735.819
16	33	50.000	50.000	3.370	2.292.119	3.750	344.243	447.876	792.119
17	34	50.000	50.000	3.370	2.348.755	3.750	371.150	477.605	848.755
18	35	50.000	50.000	3.370	2.405.732	3.750	398.101	507.631	905.732
19	36	50.000	50.000	3.370	2.463.067	3.750	425.110	537.958	963.067

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	37	50.000	50.000	3.370	2.520.689	3.750	452.102	568.587	1.020.689
25	42				2.535.910		438.320	597.591	1.035.910
30	47				2.539.829		411.755	628.074	1.039.829
35	52				2.519.239		359.127	660.112	1.019.239
40	57				2.449.937		256.153	693.784	949.937
45	62				2.318.600		89.426	729.174	818.600
50	67				2.055.542			555.542	555.542
55	72				1.620.053			120.053	120.053
57	74						(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	50.000	28.750	3.370	1.526.250			26.250	26.250	1.526.500			26.500	26.500
2	19	50.000	30.000	3.370	1.554.352		539	53.813	54.352	1.555.171		581	54.590	55.171
3	20	50.000	41.250	3.370	1.595.838		13.085	82.753	95.838	1.597.638		13.273	84.365	97.638
4	21	50.000	50.000	3.370	1.648.463		35.322	113.141	148.463	1.651.805		35.878	115.927	151.805
5	22	50.000	50.000	3.370	1.706.751	3.125	61.704	145.048	206.751	1.712.254	3.125	62.871	149.383	212.254
6	23	50.000	50.000	3.370	1.767.898	3.125	89.348	178.550	267.898	1.776.274	3.125	91.428	184.846	276.274
7	24	50.000	50.000	3.370	1.831.989	3.125	118.262	213.728	331.989	1.844.021	3.125	121.584	222.437	344.021
8	25	50.000	50.000	3.370	1.899.285	3.125	148.621	250.664	399.285	1.915.833	3.125	153.550	262.283	415.833
9	26	50.000	50.000	3.370	1.969.853	3.125	180.405	289.447	469.853	1.991.860	3.125	187.340	304.520	491.860
10	27	50.000	50.000	3.370	2.044.558	3.750	214.389	330.170	544.558	2.073.059	3.750	223.768	349.291	573.059
11	28	50.000	50.000	3.370	2.122.974	3.750	250.046	372.928	622.974	2.159.104	3.750	262.356	396.749	659.104
12	29	50.000	50.000	3.370	2.205.275	3.750	287.450	417.825	705.275	2.250.276	3.750	303.222	447.053	750.276
13	30	50.000	50.000	3.370	2.291.721	3.750	326.755	464.966	791.721	2.346.948	3.750	346.571	500.377	846.948
14	31	50.000	50.000	3.370	2.382.458	3.750	367.994	514.464	882.458	2.449.390	3.750	392.491	556.899	949.390
15	32	50.000	50.000	3.370	2.477.640	3.750	411.203	566.437	977.640	2.557.886	3.750	441.072	616.813	1.057.886
16	33	50.000	50.000	3.370	2.577.350	3.750	456.341	621.009	1.077.350	2.672.659	3.750	492.337	680.322	1.172.659
17	34	50.000	50.000	3.370	2.681.815	3.750	503.505	678.310	1.181.815	2.794.086	3.750	546.445	747.641	1.294.086
18	35	50.000	50.000	3.370	2.791.272	3.750	552.797	738.475	1.291.272	2.922.567	3.750	603.567	819.000	1.422.567

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
19	36	50.000	50.000	3.370	2.905.986	3.750	604.337	801.649	1.405.986	3.058.539	3.750	663.899	894.640	1.558.539
20	37	50.000	50.000	3.370	3.026.143	3.750	658.161	867.981	1.526.143	3.202.376	3.750	727.558	974.818	1.702.376
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21	38				3.034.859		658.198	876.661	1.534.859	3.212.855		728.288	984.566	1.712.855
25	42				3.067.147		654.890	912.257	1.567.147	3.252.370		727.827	1.024.544	1.752.370
30	47				3.098.164		639.372	958.791	1.598.164	3.292.835		716.029	1.076.806	1.792.835
35	52				3.106.055		598.355	1.007.699	1.606.055	3.310.656		678.923	1.131.734	1.810.656
40	57				3.066.687		507.584	1.059.102	1.566.687	3.281.725		592.261	1.189.463	1.781.725
45	62				2.966.810		353.683	1.113.127	1.466.810	3.192.817		442.679	1.250.138	1.692.817
50	67				2.736.817		66.909	1.169.908	1.236.817	2.974.353		160.446	1.313.908	1.474.353
55	72				2.336.080			836.080	836.080	2.585.733			1.085.733	1.085.733
60	77				1.827.046			327.046	327.046	2.089.434			589.434	589.434
64	81						(*)	(*)	(*)	1.724.737			224.737	224.737
65	82									1.616.560			116.560	116.560
67	84											(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 22 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 5%	Mức lãi suất 6%
1	25.000	25.000	50.000	3.370	21.250		21.250	3.750	25.000	28.750	400	3.705	3.705	3.705
2	25.000	25.000	50.000	3.370	20.000		20.000	5.000	25.000	30.000	480	3.825	3.825	3.825
3	25.000	25.000	50.000	3.370	8.750		8.750	16.250	25.000	41.250	480	3.945	3.945	3.945
4	25.000	25.000	50.000	3.370				25.000	25.000	50.000	480	4.065	4.065	4.065
5											480	4.155	4.155	4.155
6											520	4.170	4.170	4.170
7											600	4.200	4.200	4.200
8											600	4.200	4.200	4.200
9											600	4.290	4.290	4.290
10											600	4.305	4.305	4.305
11											640	4.290	4.290	4.290
12											720	4.245	4.245	4.245
13											720	4.215	4.215	4.215
14											720	4.245	4.245	4.245
15											720	4.335	4.335	4.335
16											720	4.560	4.560	4.560
17											720	4.785	4.785	4.785
18											720	5.010	5.010	5.010
19											720	5.220	5.220	5.220

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 23 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 5%	Mức lãi suất 6%
20											720	5.505	5.505	5.505
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21											720	5.790	5.790	5.790
25											720	7.200	7.200	7.200
30											720	10.245	10.245	10.245
31											720	(*)	11.160	11.160
35											720		16.785	16.785
39											720		(*)	25.125
40											720			27.825
41											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 24 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	50.000	28.750	3.370	1.525.875			25.875	25.875
2	19	50.000	30.000	3.370	1.552.868		467	52.401	52.868
3	20	50.000	41.250	3.370	1.592.445		12.721	79.723	92.445
4	21	50.000	50.000	3.370	1.640.700		33.882	106.818	140.700
5	22				1.638.828		29.874	108.954	138.828
6	23				1.636.183		25.595	110.588	136.183
7	24				1.633.387		21.140	112.247	133.387
8	25				1.630.549		16.618	113.931	130.549
9	26				1.627.577		11.937	115.640	127.577
10	27				1.624.546		7.172	117.375	124.546
11	28				1.620.835		2.287	118.548	120.835
12	29				1.617.052			117.052	117.052
13	30				1.613.261			113.261	113.261
14	31				1.609.401			109.401	109.401
15	32				1.605.413			105.413	105.413
16	33				1.601.159			101.159	101.159
17	34				1.596.635			96.635	96.635
18	35				1.591.841			91.841	91.841
19	36				1.586.787			86.787	86.787

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 25 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	37				1.581.396			81.396	81.396
25	42				1.548.704			48.704	48.704
30	47				1.502.265			2.265	2.265
31	48							(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA – INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 26 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	50.000	28.750	3.370	1.526.250			26.250	26.250	1.526.500			26.500	26.500
2	19	50.000	30.000	3.370	1.554.352		539	53.813	54.352	1.555.171		581	54.590	55.171
3	20	50.000	41.250	3.370	1.595.838		13.085	82.753	95.838	1.597.638		13.273	84.365	97.638
4	21	50.000	50.000	3.370	1.648.463		35.322	113.141	148.463	1.651.805		35.878	115.927	151.805
5	22				1.651.126		32.329	118.798	151.126	1.656.129		33.246	122.883	156.129
6	23				1.653.867		29.130	124.738	153.867	1.660.657		30.401	130.256	160.657
7	24				1.656.632		25.657	130.975	156.632	1.665.341		27.270	138.071	165.341
8	25				1.659.534		22.011	137.523	159.534	1.670.307		23.952	146.356	170.307
9	26				1.662.489		18.090	144.399	162.489	1.675.478		20.341	155.137	175.478
10	27				1.665.577		13.958	151.619	165.577	1.680.944		16.499	164.445	180.944
11	28				1.668.794		9.594	159.200	168.794	1.686.713		12.401	174.312	186.713
12	29				1.672.135		4.975	167.160	172.135	1.692.790		8.020	184.771	192.790
13	30				1.675.674		156	175.518	175.674	1.699.264		3.407	195.857	199.264
14	31				1.679.360			179.360	179.360	1.706.095			206.095	206.095
15	32				1.683.137			183.137	183.137	1.713.243			213.243	213.243
16	33				1.686.872			186.872	186.872	1.720.587			220.587	220.587
17	34				1.690.562			190.562	190.562	1.728.140			228.140	228.140
18	35				1.694.206			194.206	194.206	1.735.914			235.914	235.914

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 27 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
19	36				1.697.817			197.817	197.817	1.743.937			243.937	243.937
20	37				1.701.315			201.315	201.315	1.752.148			252.148	252.148
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)</i></p>														
21	38				1.696.783			196.783	196.783	1.748.124			248.124	248.124
25	42				1.674.740			174.740	174.740	1.728.166			228.166	228.166
30	47				1.634.730			134.730	134.730	1.690.881			190.881	190.881
35	52				1.567.971			67.971	67.971	1.626.987			126.987	126.987
39	56							(*)	(*)	1.540.466			40.466	40.466
40	57									1.512.171			12.171	12.171
41	58											(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 28 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



Lưu ý:

1. Giá trị tài khoản cơ bản, Khoản thưởng duy trì đóng phí và Giá trị tài khoản đóng thêm được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
2. Lãi suất dự kiến chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
3. Giá trị tài khoản hợp đồng có liên hệ chặt chẽ với quyền lợi bảo hiểm của khách hàng, khách hàng cần hiểu rõ các quyền lợi trong hợp đồng, thời gian đóng phí dự kiến, các loại chi phí, lãi suất đầu tư và ảnh hưởng của các yếu tố này đến giá trị tài khoản.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 29 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng – Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

1. Tham gia hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn. Việc hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
2. Bảng minh họa này là một phần của hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
3. Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi kế hoạch đóng phí sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
4. Mức lãi suất dự kiến thể hiện bên trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. Mức lãi suất thực tế có thể khác với mức lãi suất dự kiến, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty xác nhận dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng – Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

[AIA - INTERNAL]

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 30 | 30

Phiên bản

Dãy số kiểm tra